

Bản án số: 03/2026/HN&GD-ST

Ngày: 09/01/2026

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ái Thương và bà Hứa Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Trang - Kiểm sát viên

Ngày 09/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 409/2025/TLST-HN&GD ngày 25/11/2025 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXX-ST ngày 23/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị O (tên gọi khác: Dương Thị H), sinh năm 1988

Nơi cư trú: Đ, thôn Đ, xã L, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030188015766 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Số CCCD: 040085008984

(Chị O và anh L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị O trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 09/10/2008. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với nhau tại gia đình anh L ở Thôn Q, xã Q, tỉnh Nghệ An

được một thời gian, sau đó anh chị chuyển về nhà bố mẹ chị tại Đ, thôn Đ, xã L, thành phố Hải Phòng sinh sống.

Anh chị chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, khi anh L đi làm xa về thì tình cảm của vợ chồng chị vẫn không được cải thiện mà vẫn tiếp tục có sự mâu thuẫn. Đôi bên thường xuyên cự cãi lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không ai quan tâm đến ai. Hai bên gia đình cũng hoà giải nhiều lần nhưng không đạt được kết quả. Năm 2023, anh L về quê ở Thôn Q, xã Q, tỉnh Nghệ An sinh sống. Từ thời điểm đó đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân, không liên lạc với nhau, mọi quan hệ tình cảm và kinh tế cắt đứt từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng giải quyết ly hôn cho chị và anh L.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Nguyễn Phúc T, sinh ngày 09/01/2009. Hiện nay cháu T đang ở cùng với anh L. Sau khi ly hôn, chị giao con chung là cháu T cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh L1 không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung thì chị cũng nhất trí.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày và đề nghị, anh L1 trình bày như sau:

Hiện tại anh đang tạm trú tại Thôn Q, xã Q, tỉnh Nghệ An. Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án. Anh đồng ý ly hôn với chị O và đồng ý chọn Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng giải quyết vụ án ly hôn của anh chị.

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thị O kết hôn ngày 09/10/2008 tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã L, thành phố Hải Phòng) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn yêu thương nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị O xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn với chị O.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung: Nguyễn Phúc T, sinh ngày 09/01/2009. Hiện tại cháu T đang ở cùng với anh L1. Sau khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung là cháu T cho anh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, anh tự nguyện không yêu cầu chị O thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị O vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh L1, chị đề nghị giao con chung cho anh L1 nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Linh vắng mặt và có đề nghị được xét xử vắng mặt, anh đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị O, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị O được ly hôn, giao con chung cho anh L1 nuôi dưỡng và anh tự nguyện không yêu cầu chị O thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Nguyễn Văn L. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phúc T, sinh ngày 09/01/2009 cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị O yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn L và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn anh L đang có hộ khẩu thường trú tại Thôn Q, xã Q, tỉnh Nghệ An nhưng anh đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Hải Phòng giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên

toà và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị O, anh L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã L, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị O thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị O, anh L là do anh chị trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2023 đến nay, anh chị đã sống ly thân với nhau, không ai quan tâm đến ai. Chị O và anh L đến nay đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị O, anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị O xin được ly hôn anh Nguyễn Văn L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị O và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc T, sinh ngày 09/01/2009. Hiện nay cháu T đang ở cùng với anh L. Anh L1 có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh L1 có công việc và thu nhập ổn định. Chị O cũng nhất trí để anh L1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Cháu T cũng có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với anh L1. Do vậy để đảm bảo sự ổn định, không bị xáo trộn về cuộc sống của con chung nên cần giao con chung Nguyễn Phúc T cho anh L1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L1 không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị O và anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Chị O có đơn xin ly hôn nên chị O phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Nguyễn

Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phúc T, sinh ngày 09/01/2009 cho anh Nguyễn Văn L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh L không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E số 0006957 ngày 24/11/2025. Chị O đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị O, anh L. Chị O, anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân xã Lai Khê, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh